TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08 tháng 5 năm 2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Bình
2. Ông Trịnh Xuân Tháp

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 375/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Số 40U, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lường Hoàng B, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ ông Nguyễn Thành L, Phòng số 1, Tổ 10, ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lường Hoàng B tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V theo giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01 ngày 08/5/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không lo làm ăn, thường xuyên kiếm chuyện chửi bới, đánh đập tôi, đe dọa cắt cổ tôi, tôi có trình báo đến Công an xã T nhiều lần về việc này. Anh B hiện đang sống chung với người phụ nữ khác tên là Trần Thị T tại phòng trọ của anh B tại xã T.Vợ chồng tôi chính thức ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay không gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình, mỗi người ở mỗi nơi (tôi ở xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, còn anh B ở xã T,

huyện V, tỉnh Đồng Nai) mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau, không sống chung như vợ chồng nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lường Hoàng B.

- Về con chung: Tôi và anh Lường Hoàng B có 02 con chung tên Lường Hoàng P, sinh ngày 22/8/2008 và Lường Hoàng K, sinh ngày 16/3/2015. Sau khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K vì cháu K đang ở với tôi, còn cháu P đang ở với anh B giao cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lường Hoàng B vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo các bản khai có tại hồ sơ bị đơn anh B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xin ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý vì tôi còn tình cảm với chị L. Tôi mong muốn chị L suy nghĩ lại để quay về đoàn tụ gia đình nuôi dạy các con. Tôi thừa nhận tôi và chị L có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế do vợ tôi không rõ ràng về tiền bạc, chị L đi làm nhưng không mang tiền về để chăm lo cho gia đình mà tiêu xài cá nhân, đưa cho mẹ ruột chị L; vợ chồng cãi vã xô xát, tôi đánh vài bạt tai vợ là có thật, không có đánh đập hay đe dọa chị L. Sau khi chị L bỏ đi thì có chị Trần Thị T về sống chung phòng trọ với tôi để chăm lo, giúp đỡ tôi và con, giữa tôi và chị T không có tình cảm nam nữ. Trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn với tôi, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Tôi và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung tên Lường Hoàng P, sinh ngày 22/8/2008 và Lường Hoàng K, sinh ngày 16/3/2015. Sau khi ly hôn, tôi đồng ý giao 02 con chung nêu trên cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Lường Hoàng B, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ ông Nguyễn Thành L, Phòng số 1, Tổ 10, ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn anh Lường Hoàng B Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu để tham gia tố tụng nhưng anh B vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B tại phiên tòa.

Về nội dung:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lường Hoàng B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01 ngày 08/5/2008 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L vẫn kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Hoàng B do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn anh B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng bản khai có tại hồ sơ anh B không đồng ý ly hôn với chị L, nếu chị L cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh B là do về kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau, đánh nhau không khắc phục được. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay mỗi người ở mỗi một nơi không gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo bản khai của anh B có tại hồ sơ, anh B thừa nhận hiện đang chung sống với người phụ nữ khác tên là Thu tại phòng trọ của anh ở xã T. Theo biên bản xác minh ngày 12/12/2017 tại Công an xã T về tình trạng hôn nhân của chị L và anh B, Công an xã T cung cấp nội dung như sau: "Công an xã T xác định có 02 lần nhận được tin báo của quần chúng về việc chị Nguyễn Thị L và anh Lường Hoàng B xô xát đánh nhau tại phòng trọ của anh chị tại xã T, khi Công an xã đến nơi thì anh chị không hợp tác cung cấp diễn biến, nội dung sự việc nên Cơ quan công an không lập hồ sơ sự việc. Anh B hiện đang sống với người phụ nữ khác, chị L bỏ đi từ lâu, chị L và anh B sống ly thân khoảng 01 năm nay". Như đã phân tích trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh Lường Hoàng B.

[2].Về nuôi con chung: Tại phiên tòa chị L đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lường Hoàng K, sinh ngày 16/3/2015, giao cháu Lường Hoàng P, sinh ngày 22/8/2008 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng bản khai có tại hồ sơ anh B đồng ý giao 02 con chung tên K và P cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo lời khai chị L có tại hồ sơ thì hiện nay chị L làm nghề tự do, đang phụ giúp bán hoa tại tiệm hoa của cô T ở thị xã B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, thu nhập một tháng được số tiền khoảng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), đủ điều kiện kinh tế nuôi con và hiện tại chị đang sống cùng mẹ ruột là bà N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 40U, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đảm bảo chỗ ở cho con. Như vậy, với mức lương như trên trong điều kiện hiện nay thì chị L chỉ đủ khả năng nuôi dưỡng được 01 con chung là cháu K hiện đang sống chung với chị. Theo biên bản lấy lời khai cháu Lường Hoàng P, sinh ngày 22/8/2008 có tại hồ sơ thì ý chí của cháu P sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu được sống chung với ba Lường Hoàng B. Đồng thời, từ khi anh B và chị L sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay thì cháu P sống chung với anh B, được anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đi học tại Trường tiểu học T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Mặc dù anh B đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng do ý chí của cháu P mong muốn được chung sống với anh B nên Hội đồng xét xử tôn trọng ý chí của cháu P. Như đã phân

tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu K cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu P cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời chị L và anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3].Về chia tài sản: Không có, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4].Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung. Còn về cấp dưỡng, chia tài sản đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lường Hoàng B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lường Hoàng K, sinh ngày 16/3/2015 cho chị Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lường Hoàng P, sinh ngày 22/8/2008 cho anh Lường Hoàng B chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị L và anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị L và anh B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 000643 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh B vắng mặt được quyền kháng trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuân